TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 3 - 2023
V/v tranh chấp " hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Mỹ Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HN ngày 25 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HN ngày 15 tháng 8 năm 2022 và các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thùy M, sinh năm 1999; nơi cư trú: ấp Trung P, xã Vĩnh P, huyện TS, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Chang Kuo W, sinh năm 1973; nơi cư trú: số 68/307 đường Hành Đại, khóm 005, phường Đại Giáp, khu Nhơn Đức, thành phố Đài Nam, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy M trình bày: Bà và và ông Chang Kuo W cưới nhau vào năm 2018 qua mai mối có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 20-7-2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 11 năm 2018 bà M và ông W phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ngôn ngữ, tình cảm không còn nên bà M yêu cầu ly hôn Chang Kuo W.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Chang Kuo W đã được Tòa án thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp, tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Tuy nhiên Cơ quan của thẩm quyền Lãnh thổ Đài Loan không thực hiện được ủy thác tư pháp. Đến nay, Tòa án chưa nhận được ý kiến của ông Chang Kuo W.

Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự do bà M xin vắng mặt và ông Chang Kuo W vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn, ông Chang Kuo W quốc tịch Đài Loan, cư trú tại Đài Loan. Nguyên đơn cư trú tại xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn, ông Chang Kuo W có địa chỉ tại Đài Loan nhưng Cơ quan của thẩm quyền Lãnh thổ Đài Loan không thực hiện được ủy thác tư pháp tống đạt hồ sơ trực tiếp (Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang). Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã đề nghị Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Taipei, Đài Loan thực hiện thông báo trên Cổng thông tin điện tử về việc thụ lý giải quyết vụ án, đồng thời đăng thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao từ ngày 27-02-2023 đến nay đã quá thời hạn 01 tháng, Tòa án chưa nhận được ý kiến của ông Chang Kuo W về vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Thùy M và ông Chang Kuo W có quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 20-7-2018 của Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến tháng 11 năm 2018 bà M và ông W phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ngôn ngữ, tình cảm không còn. Xét thấy, bà M và ông Chang Kuo W không còn chung sống và không liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà M yêu cầu ly hôn với ông Chang Kuo W là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà M khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[4] Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm..

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thùy M phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp, được khấu trừ tạm ứng đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy M được ly hôn với ông Chang Kuo W.

Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 20-7-2018 của Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000090 ngày 31-3-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Thùy M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị Thùy M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000074 ngày 01-4-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà M đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy M là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Thời hạn kháng cáo của ông Chang Kuo W là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân huyện Thoại Sơn;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GĐ và NCTN;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm